

Số: /QĐ-TrMN 20/10

Mường Thanh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai chất lượng giáo dục; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc; cơ sở vật chất; đội ngũ nhà giáo, CBQL và nhân viên, năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 20/10

Căn cứ vào Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Mầm non;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT – BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ – TrMN 20/10, ngày 12/9/2023 của trường Mầm non 20/10 thành phố Điện Biên Phủ về việc ban hành quy chế thực hiện công khai trong hoạt động của trường mầm non 20/10, năm học 2023 -2024;

Theo đề nghị của kế toán trường mầm non 20/10,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu chất lượng giáo dục; chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc; cơ sở vật chất; đội ngũ nhà giáo, CBQL và nhân viên, năm học 2023 – 2024 của trường Mầm non 20/10 thành phố Điện Biên Phủ (có biểu kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các phó Hiệu trưởng trường Mầm non 20/10 và các cá nhân trường Mầm non 20/10 có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (hscv);
- Web trường MN 20/10;
- Lưu: HSNTr, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Hồng Hạnh

Biểu mẫu 01
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐBP
TRƯỜNG MẦM NON 20/10

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	57	298
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	57	298
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	95%	95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non		

Mường Thanh, ngày 05 tháng 6 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Dương Thị Hồng Hạnh

Biểu mẫu 02
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐBP
TRƯỜNG MẦM NON 20/10

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	355			57	83	110	105
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	355			57	83	110	105
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	355			57	83	110	105
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	355			57	83	110	105
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	355			57	83	110	105
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	355			57	83	110	105
1	Số trẻ cân nặng bình thường	348			57	82	107	102
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	2					1	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	353			57	83	109	104
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	2					1	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	5				1	2	2
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	355			57	83	110	105
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	57			57			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	298				83	110	105

Mường Thanh, ngày 05 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Biểu mẫu 03
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐBP
TRƯỜNG MẦM NON 20/10

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2961	7,1 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1212	2,9 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	650	1,57 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	130	0,31 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	0	
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>		
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	72	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	75 + 6,8	0,2m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	38	- Máy tính: 6 - Máy chiếu: 16 - Máy Kismart: 16
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt		Số thiết bị/nhóm (lớp)

	kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Đàn Ooc gan (11 cái); tăng âm loa (1 bộ);		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	04		12/12		174/181
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Quyết định số [14/2008/QĐ-BGDĐT](#) ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..		

Mường Thanh, ngày 05 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Dương Thị Hồng Hạnh

Biểu mẫu 04
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐBP
TRƯỜNG MẦM NON 20/10

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	31	0	4	22	2	1	2	1	11	15	25	2		
I	Giáo viên	24		2	20	3	1		1	10	13	22	2		
1	Nhà trẻ	4			4	1				3	2	3	2		
2	Mẫu giáo	20		2	16	2	1		1	7	11	19	0		
II	Cán bộ quản lý	3		2	1				0	1	2	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					1	1	2			
III	Nhân viên	4			1		1	2	1						
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1		1						
5	Nhân viên bảo vệ	2						2							
..	..														

Mường Thanh, ngày 05 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

